

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA
CHỦ NGHĨA MAC-LÊNIN

ĐỀ TÀI: TAM ĐOẠN LUẬN ĐƠN VÀ CÁC LỖI LOGIC KHI VI
PHẠM CÁC QUY TÁC TRUNG CHO MỌI LOẠI HÌNH TAM ĐOẠN
LUẬN ĐƠN THÔNG QUA CÁC TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

Giảng viên hướng dẫn : Cô Đào Thị Hữu
Sinh viên thực hiện : Đỗ Thị Ánh Phương
Lớp : K22LKTC
Mã sinh viên : 22A4060031

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

Mở đầu	1
PHẦN 1.PHẦN LÝ LUẬN VỀ TAM ĐOẠN LUẬN ĐƠN	3
1.1 .Định nghĩa về tam đoạn luận đơn (dạng chính tắc của tam đoạn luận)	3
1.2 .Cấu trúc của tam đoạn luận đơn.....	3
1.3 .Các loại hình tam đoạn luận.....	4
1.4 Các quy tắc của tam đoạn luận.....	5
PHẦN HAI:LIÊN HỆ THỰC TẾ VỚI LIÊN HỆ BẢN THÂN	7
2.1 Liên hệ thực tế	7
2.2 Liên hệ bản thân.....	10
PHẦN 3 KẾT LUẬN.....	12
TÀI LIỆU THAM KHẢO	13

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài

Người sáng lập ra logic học -nhà triết gia lớn của Hy Lạp cổ đại, nhà học giả bách khoa Aristot. Ông có nhiều công trình trong logic học đặc biệt phải kể đến là suy luận và chứng minh diễn dịch đặc biệt là tam đoạn luận. Trong hàng thế kỉ qua phép tam.đoạn luận nằm trong chương trình các luật sư và chính trị gia phương Tây .Nó dùng để phân biệt lập luận đúng với lập luận sai .Nó đã được nghiên cứu với độ sâu sắc và cẩn thận đến mức xuyên qua biết bao thế kỷ , ngày nay về cơ bản vẫn giữ nguyên ý nghĩa . Đặc biệt, nó đã trở thành một công cụ hữu hiệu nghiên cứu ứng dụng trong việc viết bản án – tam đoạn luận tư pháp ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong cuộc sống thường ngày thì mọi hoạt động của con người từ đơn giản đến phức tạp là thông qua tư duy .Cùng với sự phát triển của thực tiễn của nhận thức ,con người có sự nhận thức sâu sắc ,đầy đủ, chính xác hơn về mọi mặt của cuộc sống. Đề tài này mang tính thực tế nhiều, cho em nhiều lựa chọn, tư duy sáng tạo hơn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài nhằm mục đích tìm hiểu về tam đoạn luận đơn ,biết rõ các đặc điểm, cấu trúc loại hình của tam đoạn luận, và các lỗi khi vi phạm

Em sẽ nghiên cứu nội dung về

Khái quát của tam đoạn luận đơn

Liên hệ thực tế các ví dụ thực tế áp dụng vào tam đoạn luận đơn

Liên hệ bản thân mình đã học tập và áp dụng được gì cho việc học tập và trong cuộc sống hàng ngày

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng : Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các ví dụ thực tế

Phạm vi nghiên cứu : tình hình cuộc sống xưa và nay ở Việt Nam và nước ngoài

4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lí luận :quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy

Phương pháp nghiên cứu :thống nhất logic và lịch sử,tổng hợp, phân tích tài liệu (thông qua giáo trình sách tham khảo các bài báo khoa học để làm rõ nội dung mình nghiên cứu, khái quát hóa ,hệ thống hóa,hình thức hóa ,thông qua các tài liệu thu thập được nhằm hệ thống và sắp xếp các tài liệu khoa học theo chủ đề, theo đơn vị kiến thức để nội dung của bài tiểu luận dễ nhận biết và nghiên cứu.

5. Ý nghĩa lí luận và ý nghĩa thực tiễn

Ý nghĩa lí luận : đã giúp em hiểu rõ hơn về bản chất tam đoạn luận đơn,và các lỗi khi mà ta mắc phải

Ý nghĩa thực tế :giúp em tránh được lỗi logic khi vi phạm trong tam đoạn luận đơn, tự tin ,giao tiếp tốt,hiểu rõ vấn đề, không bị mắc lỗi ,biết được lỗi sai của mọi người.

PHẦN 1. PHẦN LÝ LUẬN VỀ TAM ĐOẠN LUẬN ĐƠN

1.1 .Định nghĩa về tam đoạn luận đơn (dạng chính tắc của tam đoạn luận)

Có thể nhận thấy , tam đoạn luận là phát minh lớn của Aristot ông từng nói tam đoạn luận “ cần phải nói về tam đoạn luận trước khi nói về chứng minh ,bởi tam đoạn luận là một cái gì đó trung hơn và chứng minh là một tam đoạn luận nào đó, nhưng không phải bất kỳ Tam đoạn luận nào cũng là chứng minh” .Aritot định nghĩa như sau về Tam đoạn luận: “... Tam đoạn luận là ngôn ngữ và trong đó, Nếu một cái gì đó được Giả định thì tất yếu tố tạo ra một cái gì đó khác hẳn một cái gì đó đã cho ...”.Theo Tam đoạn luận kết luận đúng một cách tất yếu và hiển nhiên .Định nghĩa chung của Aristot về tam đoạn luận là như vậy, hay nói một cách cụ thể hơn ,tam đoạn luận là loại suy luận đi từ hai mệnh đề để tiến đến một kết luận tất yếu ngầm chứa trong hai mệnh đề đó.

Tam đoạn luận là suy luận, trong đó dựa vào mối quan hệ trực tiếp của M với P và với S ở các tiền đề lớn ,nhỏ ta suy ra quan hệ gián tiếp giữa S với P ở kết luận .Như vậy, trong tam đoạn luận thì M giữ vai trò là cầu nối giữa S và P ,nếu vì lí do nào đó nó không thực hiện được chức năng này thì tam đoạn luận được coi là không xây dựng được

Ví dụ :Tất cả những người ở trong trường học phải vào lớp đúng giờ

1.2 .Cấu trúc của tam đoạn luận đơn

Cấu tạo của tam đoạn luận đơn : gồm hai tiền đề và một kết luận, ba thuật ngữ :nhỏ,lớn,giữa

Chủ từ của kết luận gọi là thuật ngữ nhỏ,kí hiệu bằng S

Vị từ của kết luận gọi là thuật ngữ lớn P

Cả hai thuật ngữ trên đều có mặt thêm một lần ở tiền đề nhỏ hoặc lớn, tuy nhiên ở hai tiền đề ngoài chúng ra còn có một thuật ngữ nữa có mặt ở cả hai

tiên đề, nhưng không có ở kết luận. Thuật ngữ đó được gọi là thuật ngữ giữa, kí hiệu M

Tiên đề có chứa thuật ngữ lớn (P) gọi là tiên đề lớn

Tiên đề có chứa thuật ngữ nhỏ (S) gọi là tiên đề nhỏ

Ví dụ

Học sinh (M) đều phải đi học (P). (tiên đề lớn - viết ở dòng một)

Huy(S) là học sinh(M). (tiên đề nhỏ-viết ở dòng hai)

Huy(S) phải đi học (P). (kết luận -viết ở dòng ba)

1.3 .Các loại hình tam đoạn luận

Loại hình 1 : M làm chủ từ ở tiên đề lớn và làm vị từ ở tiên đề nhỏ.ví dụ

Mọi giáo viên (M) đều học sư phạm (P). M. P

Cô thu(S) là giáo viên (M). S M

Cô thu(S) học sư phạm (P). S P

Loại hình 2: M làm vị từ ở cả hai tiên đề.ví dụ

Mọi ca sĩ(P) đều phải học hát(M). P M

Tú(S) không phải học hát(M). S M

Tú (S) không phải là ca sĩ (P). S P

Loại hình 3: M làm chủ từ ở cả hai tiên đề .ví dụ

Cá heo(M) là động vật có vú (p). M P

Cá heo(M) sống dưới nước (S) M S

Sống dưới nước (S) là một số động vật có vú. S P

Loại hình 4: M làm vị từ ở tiên đề lớn và làm vị từ ở tiên đề nhỏ .ví dụ

Một số người hiểu biết pháp luật (P) là luật sư (M). P M

Tất cả luật sư (M) đều tư duy giỏi (S) M S

Một số người tư duy giỏi(S) là người hiểu biết pháp luật (P). S P

1.4 Các quy tắc của tam đoạn luận

Các quy tắc chung cho mọi loại hình

1, Trong tam đoạn luận chỉ được phép có ba thuật ngữ (S,P,M)

Việc vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi “sinh thêm thuật ngữ “.chẳng hạn khi chúng ta có hai phán đoán với hai nội dung khác nhau, không được gắn kết bởi thuật ngữ giữa thì không thể rút ra được kết luận gì

2, Thuật ngữ phải chu diên ít nhất một lần ở một trong hai tiền đề

Nếu vi phạm quy tắc này thì mối liên hệ giữa thuật ngữ lớn và thuật ngữ nhỏ không xác định. Điều đó có nghĩa là kết luận không tất yếu suy logic từ các tiền đề

3, Nếu thuật ngữ (lớn và nhỏ) không chu diên ở tiền đề thì không được chu diên ở kết luận

4, Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không rút ra ở kết luận

5, Nếu một là tiền đề phủ định thì ,thì kết luận cũng là phủ định

6, Nếu hai tiền đề cùng là hai phán đoán bộ phận, thì không rút ra được kết luận

7, Nếu một tiền đề là phán đoán bộ phận ,thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận

8, Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định thì kết luận phải là khẳng định Mỗi loại hình lại có các kiểu(modus) khác nhau. Chúng khác nhau bởi chất và lượng của các phán đoán tiền đề vì mỗi tiền đề có thể là phán đoán A ,E,I,O chỉ nên trong mỗi loại hình có thể có 16 kiểu ,và như vậy , cả 4 loại sẽ có 64

kiểu . Nhưng trong đó có nhiều kiểu đã bị liệt kê bị loại bỏ do vi phạm các quy tắc chung 4 và 6, chỉ còn lại các kiểu sau là. Có thể đúng : AA,AE,AI,AO,EA,EI,IA,IE,OA . Tuy nhiên , không phải cả 9 kiểu cho mỗi loại hình đó đều đúng một số xe vi phạm các quy tắc riêng cho loại hình và như vậy sẽ tiếp tục bị loại bỏ. Theo đó chỉ còn 19 kiểu đúng

Quy tắc riêng cho từng loại hình tam đoạn luận

Loại 1: 1,Tiền đề nhỏ phải là phán đoán khẳng định

2,Tiền đề lớn phải là phán đoán toàn thể

Loại 2: 1,một trong hai tiền đề phải là phán đoán phủ định

2,tiền đề lớn phải là phán đoán toàn thể

Loại 3:1,tiền đề nhỏ phải là phán đoán khẳng định

2,Kết luận là phán đoán bộ phận

Loại 4,1Nếu tiền đề lớn là khẳng định thì tiền đề nhỏ phải là toàn thể

2,Nếu có một tiền đề là phủ định thì tiền đề lớn phải là toàn thể

PHẦN HAI: LIÊN HỆ THỰC TẾ VỚI LIÊN HỆ BẢN THÂN

2.1 Liên hệ thực tế

Các quy tắc chung cho mọi loại hình

1, Trong tam đoạn luận chỉ được phép có ba thuật ngữ (S,P,M). Ví dụ

Bà già đi chợ cầu đông

Bói quẻ lấy chồng xem, có **lợi** chẳng

Bói quẻ lấy chồng xem có lợi chẳng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng rằng không còn

Lợi thì có **lợi** nhưng rằng không còn

bói quẻ lấy chồng rằng không còn

Qua đó ta thấy với hai phán đoán của bà già và ông thầy thì lại sinh ra thêm một phán đoán nữa .từ lợi mà bà cụ muốn nhắc đến là lợi nhuận, lợi ích. Còn ông thầy lại nói về rằng lợi .Ý nói ngầm bà cụ đã già không còn rằng mà vẫn muốn đi lấy chồng là không nên

2, Thuật ngữ phải chu diên ít nhất một lần ở một trong hai tiền đề

Trong một gia đình nọ, có cậu bé đang học lớp một. Cậu có rất nhiều bài tập và cậu không thích học .Cậu thắc mắc với mẹ cậu, mẹ cậu muốn cậu cố gắng học nên nói

“ thầy giáo là không phải đi học”.

cậu nghĩ đến bố mình không phải đi học nói

“Bố không phải đi học”

Kết luận ở đây không xác định vì bố cậu bé không đi học nhưng chưa chắc bố cậu bé đã làm thầy giáo. Ta thấy nguyên nhân bất định ở chỗ thuật ngữ giữa làm vị từ ở tiền đề lớn lẫn tiền đề nhỏ không chu diên, vì cả hai là phán đoán khẳng định

3, Nếu thuật ngữ (lớn và nhỏ) không chu diên ở tiền đề thì không được chu diên ở kết luận

Mọi người ở công ty A(M) đều phải ăn xuất ăn khẩu phần (P)

Ông X(S) không là nhân viên của công ty A(M)

Ông X (S)không ăn xuất ăn khẩu phần (P)

Ta có thể thấy kết luận ở đây thiếu chính xác. Ông X không là nhân viên ông tu nhưng ông vẫn có thể ăn xuất ăn khẩu phần mà ông tự mua .Kết luận không phù hợp với thực tế và sai do P không chu diên ở tiền đề mà chu diên ở kết luận

4,Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không rút ra kết luận

Cái bàn không ăn được

Cái đèn không phải là cái bàn

Cái đèn ăn được

Qua ví dụ ta có thể thấy kết luận giả dối .Nếu ở ví dụ, đầu tiên ta đặt cái kem vào chỗ cái bàn thì kết luận lại trở nên chân thật ,vào ví dụ nó cũng trở nên chân thật .Nguyên nhân của kết luận bất định là ở các phán đoán phủ định thuật ngữ giữa không thể gắn kết chủ từ và vị từ ,nó không thực hiện được chức năng trung gian cầu nối giữa S và P

5,Nếu một là tiền đề phủ định thì ,thì kết luận cũng là phủ định

Mọi nhà sư đều biết tụng kinh

Một số chú tiểu không biết tụng kinh

Một số không là nhà sư

Quy tắc này thể hiện tính nhất quán phi mâu thuẫn trong suy luận bởi nếu có một tiền đề phủ định mà kết luận là khẳng định thì tư duy sẽ gặp phải mâu thuẫn logic

6,Nếu hai tiền đề cùng là hai phán đoán bộ phận, thì không rút ra được kết luận

Một số người bán hàng online (M) là sinh viên (p)

Một số mẹ bím sữa (S) là người bán hàng online (M)

Một số mẹ bím sữa (S) là sinh viên (P)

Trong trường hợp trên thì S với P rõ ràng chỉ quan hệ với nhau thông qua thuật ngữ giữa M còn lại không thể xác định được quan hệ bởi chúng không còn gì liên hệ với M nên không thể xét mối quan hệ giữa chúng với nhau. Kết luận không thu được không tắt yếu logic

7, Nếu một tiền đề là phán đoán bộ phận, thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận

Một số người miền bắc gọi heo là lợn

Tất cả lợn đều bị mổ thịt

Một số bị mổ thịt là người miền bắc

Trong trường hợp trên

Cả lớp S và lớp P đều chỉ có một phần đối tượng được xét đến ở tiền đề nên để có tính nhất quán và có căn cứ của nhận thức trong kết luận các lớp đối tượng cũng chỉ được đề cập dưới dạng phán đoán bộ phận

8, Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định thì kết luận phải là khẳng định

Ví dụ, hai mẹ con đang ngồi xem phim, đến đoạn tên giết người bị bắt. Đứa con của chị nghĩ – “giết người là kẻ phạm tội” mẹ nói đúng rồi đấy con trai, rồi chị nói thêm – “kẻ phạm tội ở đây là người lớn” r .

Qua tình huống trên cho thấy việc 2 mẹ con đối thoại có lỗi

Giết người là kẻ phạm tội

Kẻ phạm tội là người lớn

Giết người là người lớn

Cái tiền đề thứ hai của mẹ đã bị không đầy đủ dẫn đến kết luận thiếu chân thực. Chưa chắc giết người đã là người lớn, mà có thể là tất cả mọi người, khi có dấu hiệu tước đoạt mạng sống của người khác.

2.2 Liên hệ bản thân

Trong cuộc sống thì em mắc phải rất nhiều lỗi logic khi mà giao tiếp nói chuyện hoặc viết bài. Em rất thích đọc truyện cười vì nó mắc các lỗi logic nên thường tạo nên tiếng cười. Ví dụ như câu chuyện sau

Sang nhà bá kiến ăn vạ xong. Chí Phèo xách một can rượu 20l “chiến lợi phẩm” “nặng nề lét về vườn chuối. vừa đi gác vừa lẩm bầm

– “mẹ cha cái lão bá kiến, rượu nặng thế này mà lão kêu rượu nhẹ, định làm mình say chết đây!”

Rồi hấn bập bẹ đánh vần “- r..ượu....rượu...nặng.... rượu “

– “nhờ...e...nhe...nặng... nhẹ”...

Hừ! làm chó gì có cái thứ đã nặng lại còn nhẹ. Mẹ cha nó cái làng vũ đại này loạn rồi.

Chí Phèo đã mắc phải lỗi logic đó là thêm một thuật ngữ. chữ nặng ở đó là một dấu câu trong tiếng Việt còn Chí Phèo lại hiểu sai thành nặng nề, dẫn đến tiếng cười.

Việc suy luận khá quan trọng trong đời sống hàng ngày và trong việc học tập. Trong đời sống ta suy luận để biết để kiểm tra, giải thích một vấn đề. Hoặc suy luận để đoán ý nghĩ của người khác. Ví dụ như ba mẹ đoán xem ba mẹ thích gì để mua quà tặng sinh nhật, làm cho ba mẹ vui. Suy luận xem khi gặp người lạ người ta có ý đồ xấu hay không.

Trong học tập thì suy nghĩ tăng khả năng tư duy. Để học tập tốt hơn, rèn luyện khả năng của mình tốt hơn. Tăng khả năng suy luận để ôn tập học hỏi tốt hơn.

Để hiểu bài, khi cô cho bài về nhà và làm tốt hơn.

Là một sinh viên học luật kinh tế thì e nhận thấy việc suy luận là vô cùng quan trọng. Cả như trong cuộc sống lẫn trong học tập .Trong cuộc sống dạy em biết thế nào là có nên tin hay không, điều đó có đúng hay không. Biết được suy nghĩ, việc làm sắp tới của một ai đó khi họ thể hiện thái độ ra.

Đặc biệt trong học tập và công việc sau này khi là một người trong ngành luật cần phải suy luận xem xét kỹ lưỡng.

PHẦN 3 KẾT LUẬN

Tam đoạn luận đơn là một vấn đề khá hay và thú vị ,nó còn có rất nhiều ý tưởng trong thực tế .Nghiên cứu đề tài đã cho em hiểu hơn về tam đoạn luận .Nghiên cứu sâu hơn về thế nào là tam đoạn luận, cấu trúc, loại hình của tam đoạn luận đơn. Đặc biệt là nắm được cái lõi logic trong tam đoạn luận đơn.

Khi nghiên cứu sâu về tam đoạn luận đơn, em thấy tầm quan trọng của suy luận hơn. Và từ đây sẽ nâng cao khả năng suy luận. Trau dồi kiến thức cho bản thân để tăng khả năng tư duy

Bài làm của em có nhiều sai sót mong các thầy cô dạy góp ý,dạy bảo thêm ạ

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô ạ!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

Nguyễn Thúy Vân -nguyễn anh tuần 2013”logic học đại cương “ ĐHQG Hà
Nội